

CTCP CẢNG ĐỒNG NAI
DONG NAI PORT JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 79/2026/CBTT-PDN
No.: 79/2026/CBTT-PDN

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2026
Dong Nai, day 13 month 08 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty CP Cảng Đồng Nai / Dong Nai Port J.S Company
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: PDN
- Địa chỉ/Address: 1B-D3 Khu phố 2, Phường Long Hưng, TP.Đồng Nai / 1B-D3 Area 2, Long Hưng Ward, Dong Nai City
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02513.832.225 Fax: 02513.831.259
- E-mail: info@dongnaiport.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính bán niên soát xét 2026 / Reviewed semi-annual financial statements

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử dự phòng của công ty vào ngày 13/08/2026 tại đường dẫn <https://ezir.fpts.com.vn/ThôngTinDoanhNghiep/PDN> /This information was published on the company's back up website on 13/08/2026, as in the link <https://ezir.fpts.com.vn/ThôngTinDoanhNghiep/PDN>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/
Documents on disclosed information.

Đại diện tổ chức
Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information

Phó Tổng giám đốc / Deputy General Director



Huỳnh Ngọc Tuấn

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẢNG
ĐỒNG NAI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:3600334112, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI,
L=Biển Hòa, S=ĐỒNG NAI, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2026-08-13 10:38:33
Foxit Reader Version: 9.7.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch không tham gia điều hành
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên không tham gia điều hành
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên không tham gia điều hành (bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2026)
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên không tham gia điều hành (miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2026)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Văn Ban	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Số: 20/2026/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2026 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**Lục Thị Vân****Phó Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.273.805.086.402	1.103.482.193.800
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	92.184.595.147	120.909.755.728
1. Tiền	111		79.184.595.147	74.909.755.728
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	46.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		940.705.001.783	788.332.868.729
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	940.705.001.783	788.332.868.729
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		233.140.544.308	185.364.677.182
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	220.720.379.067	182.793.175.646
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.594.796.720	4.533.693.241
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		2.835.209.619	767.109.144
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.4	(3.009.841.098)	(2.729.300.849)
IV. Hàng tồn kho	140		1.214.573.232	1.183.882.762
1. Hàng tồn kho	141		1.214.573.232	1.183.882.762
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		6.560.371.932	7.691.009.399
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		551.954.703	693.002.896
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.11	6.008.417.229	6.998.006.503
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		736.565.542.799	740.412.251.103
I. Tài sản cố định	220		342.909.737.292	334.498.248.466
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	339.297.045.685	330.775.747.159
Nguyên giá	222		1.019.942.012.051	989.306.784.776
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(680.644.966.366)	(658.531.037.617)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	3.612.691.607	3.722.501.307
Nguyên giá	228		9.677.975.108	9.653.781.108
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.065.283.501)	(5.931.279.801)
II. Tài sản dở dang dài hạn	250		278.595.499.346	292.054.720.189
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.8	278.595.499.346	292.054.720.189
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	70.965.000.000	70.965.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		55.800.000.000	55.800.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	270		44.095.306.161	42.894.282.448
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.5	44.095.306.161	42.894.282.448
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.010.370.629.201	1.843.894.444.903

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		525.463.262.776	358.861.725.996
I. Nợ ngắn hạn	310		486.498.672.534	309.607.135.754
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	135.630.710.772	119.145.435.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.132.764.663	1.034.096.630
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.10	111.179.277.370	28.314.370
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	35.409.696.609	34.525.658.818
5. Phải trả người lao động	315	5.12	24.112.180.000	18.594.173.000
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.13	12.321.999.189	10.162.186.090
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		2.393.799.489	1.074.170.247
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.14	10.116.142.864	4.471.143.033
9. Vay ngắn hạn	321	5.15	85.640.142.418	70.579.748.150
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		26.773.363.749	17.788.058.610
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	41.788.595.411	32.204.150.894
II. Nợ dài hạn	330		38.964.590.242	49.254.590.242
1. Phải trả dài hạn khác	338	5.14	24.629.590.242	24.629.590.242
2. Vay dài hạn	339	5.15	14.335.000.000	24.625.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.17	1.484.907.366.425	1.485.032.718.907
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		555.658.200.000	555.658.200.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		555.658.200.000	555.658.200.000
2. Thặng dư vốn	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		474.501.790.541	474.501.790.541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		380.312.569.339	380.437.921.821
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	420a		129.728.701.571	118.459.395.112
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		250.583.867.768	261.978.526.709
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.010.370.629.201	1.843.894.444.903

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nguyễn Cảnh Thìn

Vũ Thị Quỳnh Trang

Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	815.077.609.731	746.445.017.002
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		815.077.609.731	746.445.017.002
3. Giá vốn hàng bán	11	5.20	488.265.100.224	457.374.667.486
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		326.812.509.507	289.070.349.516
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.21	28.646.419.227	16.986.448.994
6. Chi phí tài chính	23		3.698.683.453	2.802.980.755
Trong đó, chi phí lãi vay	24		3.695.942.232	2.777.161.646
7. Chi phí bán hàng	25	5.22	10.018.556.761	7.545.594.261
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	28.783.512.979	31.377.765.744
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		312.958.175.541	264.330.457.750
10. Thu nhập khác	31		242.667.797	16.291.579.218
11. Chi phí khác	32		32.737.851	10.762.407
12. Lợi nhuận khác	40		209.929.946	16.280.816.811
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		313.168.105.487	280.611.274.561
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	62.584.237.719	56.001.295.122
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		250.583.867.768	224.609.979.439
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17.4	4.215	3.779
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.17.4	4.215	3.779

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Cảnh Thìn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Quỳnh Trang

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		313.168.105.487	280.611.274.561
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.24	22.247.932.449	24.905.579.350
Các khoản dự phòng	03		10.280.540.249	(12.587.818.522)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(28.595.373.924)	(17.060.947.254)
Chi phí đi vay	06		3.695.942.232	2.777.161.646
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		320.797.146.493	278.645.249.781
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47.066.818.101)	(32.965.276.729)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(30.690.470)	(74.402.884)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		34.569.569.505	61.664.763.949
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.059.975.520)	644.784.304
Chi phí đi vay đã trả	14		(3.696.838.222)	(2.790.147.709)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.11	(59.888.948.393)	(23.759.221.663)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	27.682.800
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(18.861.495.733)	(14.500.279.574)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		224.761.949.559	266.893.152.275
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.368.428.278)	(11.673.275.579)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	135.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(926.100.000.000)	(600.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		778.900.000.000	412.700.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.423.240.870	14.680.219.211
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(147.145.187.408)	(184.658.056.368)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.26	132.060.142.418	49.851.006.677
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	5.27	(127.289.748.150)	(25.791.167.761)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(111.112.317.000)	(74.232.515.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(106.341.922.732)	(50.172.676.334)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(28.725.160.581)	32.062.419.573
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	120.909.755.728	278.055.890.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		92.184.595.147	310.118.310.438

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Cảnh Thìn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Quỳnh Trang

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Ngọc Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 07 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Đồng Nai cấp để cập nhật địa chỉ trụ sở chính theo thay đổi địa giới hành chính khi tỉnh Đồng Nai được tổ chức lại thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với Mã cổ phiếu là "PDN".

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần đây nhất là 555.658.200.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Cảng Gò Dầu A, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai, Việt Nam	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Số 1B - D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%

1.6. Số lượng lao động

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 309 (31/12/2025 là: 304).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Kể từ năm tài chính 2026, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính (TT99), thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (TT200) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo TT99 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT99 và các quy định hiện hành có liên quan.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này không bao gồm đầy đủ các thuyết minh theo yêu cầu đối với báo cáo tài chính năm và vì vậy cần được đọc kết hợp với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 gần nhất của Công ty.

Trong phạm vi báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty tập trung trình bày các giao dịch và biến động trọng yếu phát sinh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**3.4. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng trong kỳ không có thay đổi trọng yếu so với kỳ trước.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền mặt	706.418.536	416.551.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	78.478.176.611	74.493.204.386
Các khoản tương đương tiền (*)	13.000.000.000	46.000.000.000
Cộng	92.184.595.147	120.909.755.728

(*) Là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc 01 tháng tại ngày 30/06/2026 với lãi suất từ 2,1%/năm đến 4,75%/năm.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	840.700.000.000	767.300.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	85.400.000.000	11.600.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	14.605.001.783	9.432.868.729
Cộng	940.705.001.783	788.332.868.729

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành (a)	1.665.000.000	(*)	-	1.665.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai (b)	13.500.000.000	(*)	-	13.500.000.000	(*)	-
Cộng	15.165.000.000		-	15.165.000.000		-
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (c)	15.400.000.000	28.287.000.000	-	15.400.000.000	36.729.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (d)	40.400.000.000	(*)	-	40.400.000.000	(*)	-
Cộng	55.800.000.000		-	55.800.000.000		-

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,70% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán là SZC. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này là 28.287.000.000 VND, tương đương với 22.450 VND/cổ phiếu.

(d) Khoản đầu tư này chiếm 10,10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 6.2	429.656.006	-	65.737.074	-
Phải thu khách hàng chiếm từ 10% tổng số phải thu trở lên gồm:				
MSC Mediterranean Shipping Company S.A.	28.677.836.987	-	20.351.441.546	-
CMA CGM S.A. C/O CMA CGM Vietnam JSC	25.799.177.150	-	20.831.921.211	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	21.536.269.843	-	25.548.801.669	-
Các khoản còn lại	144.277.439.081	(3.009.841.098)	115.995.274.146	(2.729.300.849)
Cộng	220.720.379.067	(3.009.841.098)	182.793.175.646	(2.729.300.849)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.4. Nợ xấu

Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
VND		VND	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
3.721.416.461	711.575.363	3.185.838.361	456.537.512

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

Tại ngày 30/06/2026				Tại ngày 01/01/2026			
VND				VND			
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Công ty Cổ phần Hóa chất Dầu khí Long Thành	1.062.300.200	01 - 02 năm		531.150.100	371.805.070	06 - 12 tháng	
Công ty Cổ phần Xây dựng Số Một Việt Sơn	183.204.339	Trên 03 năm		183.204.339	-	Trên 03 năm	
Các khách hàng khác	2.475.911.922	Từ 06 tháng trở lên		2.471.483.922	84.732.442	Từ 06 tháng trở lên	
Cộng	3.721.416.461	711.575.363		3.185.838.361	456.537.512		

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí chờ phân bổ dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền thuê đất trả trước (*)	34.221.510.436	34.868.620.180
Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng không được cân trừ vào tiền thuê đất	7.595.118.818	7.696.387.070
Các khoản khác	2.278.676.907	329.275.198
Cộng	44.095.306.161	42.894.282.448

(*) Là khoản tiền Công ty đã ứng ra để đền bù khu đất 3 ha, khu đất 42.776,8 m² và khu đất 158.584,8 m². Số tiền này được cân trừ vào tiền thuê đất hàng năm mà Công ty phải nộp cho Ngân sách Nhà nước (Cục thuế thành phố Đồng Nai). Ngày 24 tháng 09 năm 2015, Cục thuế thành phố Đồng Nai có Thông báo số 687/TB.CT.QLCKTTD và số 120/TB.CT.QLCKTTD cho phép Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai bù trừ số tiền còn phải cân trừ còn lại tương ứng với thời gian hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đến hết thời hạn thuê đất.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2026	753.566.836.514	116.846.619.680	88.398.787.197	13.448.613.454	17.045.927.931	989.306.784.776
Mua trong kỳ	-	1.257.950.600	1.447.979.260	961.362.447	911.583.333	4.578.875.640
Đầu tư XDCB hoàn thành	22.760.584.997	-	2.219.333.898	1.076.432.740	-	26.056.351.635
Tại ngày 30/06/2026	776.327.421.511	118.104.570.280	92.066.100.355	15.486.408.641	17.957.511.264	1.019.942.012.051
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2026	468.890.777.865	101.843.218.671	64.593.061.169	9.755.408.547	13.448.571.365	658.531.037.617
Khấu hao trong kỳ	15.608.559.174	2.759.697.603	2.315.276.192	712.272.233	718.123.547	22.113.928.749
Tại ngày 30/06/2026	484.499.337.039	104.602.916.274	66.908.337.361	10.467.680.780	14.166.694.912	680.644.966.366
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2026	284.676.058.649	15.003.401.009	23.805.726.028	3.693.204.907	3.597.356.566	330.775.747.159
Tại ngày 30/06/2026	291.828.084.472	13.501.654.006	25.157.762.994	5.018.727.861	3.790.816.352	339.297.045.685

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 77.049.789.489 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 398.321.885.494 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, bản quyền VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	1.818.363.207	7.835.417.901	9.653.781.108
Mua trong kỳ	-	24.194.000	24.194.000
Tại ngày 30/06/2026	1.818.363.207	7.859.611.901	9.677.975.108
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	-	5.931.279.801	5.931.279.801
Khấu hao trong kỳ	-	134.003.700	134.003.700
Tại ngày 30/06/2026	-	6.065.283.501	6.065.283.501
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	1.818.363.207	1.904.138.100	3.722.501.307
Tại ngày 30/06/2026	1.818.363.207	1.794.328.400	3.612.691.607

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.679.310.961 VND.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	138.546.693.000	138.546.693.000
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha)	72.305.752.425	72.305.752.425
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2	52.586.971.360	52.586.971.360
Các dự án khác	15.156.082.561	28.615.303.404
Cộng	278.595.499.346	292.054.720.189

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 6.2	16.033.409.082	16.033.409.082	17.804.760.239	17.804.760.239
Phải trả cho người bán chiếm từ 10% tổng số phải trả trở lên gồm:				
Công ty TNHH Dịch vụ Bốc xếp Bình Khánh	42.180.009.248	42.180.009.248	27.484.192.405	27.484.192.405
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải HPS Marine	17.398.909.470	17.398.909.470	13.122.030.423	13.122.030.423
Các khoản còn lại	60.018.382.972	60.018.382.972	60.734.452.845	60.734.452.845
Cộng	135.630.710.772	135.630.710.772	119.145.435.912	119.145.435.912

5.10. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2026
	VND
Số dư 01/01	28.314.370
Cổ tức phải trả	222.263.280.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	(111.112.317.000)
Số dư 30/06	111.179.277.370

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.11. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2026		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2026	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	4.989.949.644	28.127.466.466	(26.632.519.243)	-	3.495.002.421
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	29.457.732.122	62.584.237.719	(59.888.948.393)	-	26.762.442.796
Thuế thu nhập cá nhân	-	548.651.602	3.387.930.200	(7.101.722.598)	-	4.262.444.000
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	6.008.417.229	-	5.672.763.490	(4.683.174.216)	6.998.006.503	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	413.363.241	413.363.241	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.474.823	(10.244.424)	-	5.769.601
Cộng	6.008.417.229	35.409.696.609	100.190.235.939	(98.316.608.874)	6.998.006.503	34.525.658.818

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.12. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 30/06/2026.

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Trích trước chi phí dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ	9.328.437.432	9.349.772.171
Các khoản chi phí phải trả khác	2.993.561.757	812.413.919
Cộng	12.321.999.189	10.162.186.090

5.14. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngắn hạn:		
Ký quỹ, ký cược	280.000.000	130.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.836.142.864	4.341.143.033
Cộng	10.116.142.864	4.471.143.033
Dài hạn:		
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	16.530.632.897	16.530.632.897
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.098.957.345	8.098.957.345
Cộng	24.629.590.242	24.629.590.242

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

5.15. Vay

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (a)	85.640.142.418	85.640.142.418	142.350.142.418	(127.289.748.150)	70.579.748.150	70.579.748.150
Vay dài hạn (b)	14.335.000.000	14.335.000.000	-	(10.290.000.000)	24.625.000.000	24.625.000.000
Cộng	99.975.142.418	99.975.142.418	142.350.142.418	(137.579.748.150)	95.204.748.150	95.204.748.150

(a) Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

Vay ngắn hạn:

Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Vay dài hạn đến hạn trả:

Quý Đầu tư Phát triển thành phố Đồng Nai
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Cộng

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Vay ngắn hạn:	VND	5,80% - 7,30%/năm	5.816.569.476	49.999.748.150
	VND	7,00% - 7,20%/năm	59.243.572.942	-
Vay dài hạn đến hạn trả:	VND	7,00%/năm	10.500.000.000	10.500.000.000
	VND	8,40%/năm	10.080.000.000	10.080.000.000
Cộng			85.640.142.418	70.579.748.150

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(b) Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

			Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
	<u>Loại tiền</u>	<u>Lãi suất</u>		
Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Đồng Nai	VND	7,00%/năm	11.525.000.000	16.775.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	8,40%/năm	2.810.000.000	7.850.000.000
Cộng			14.335.000.000	24.625.000.000

Thông tin chi tiết các khoản như sau:

▪ Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam:

Hạn mức vay:	50.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	12 tháng.
Lãi suất:	5,80% - 7,30%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo:	Không có tài sản đảm bảo.

▪ Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

Hạn mức vay:	100.000.000.000 VND
Thời hạn vay:	06 tháng.
Lãi suất:	7,00% - 7,20%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo:	Không có tài sản đảm bảo.

▪ Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Đồng Nai:

Hạn mức vay:	84.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	108 tháng.
Lãi suất:	7,0%/năm.
Mục đích vay:	Đầu tư công trình bến tàu 30.000 DWT (bến B5) thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 1.
Tài sản đảm bảo:	Bến tàu 30.000 DWT.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND.

Thời hạn vay: 120 tháng.

Lãi suất: Bằng lãi suất huy động tiền gửi VND tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 2,5%/năm và điều chỉnh 01 tháng một lần.

Mục đích vay: Bù đắp các chi phí hợp lý của dự án đã được thanh toán bằng vốn thuộc sở hữu của Công ty.

Tài sản đảm bảo: Một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản 02/CĐN/2017/HĐTC ngày 29 tháng 09 năm 2017.

5.16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu năm	32.204.150.894	36.864.913.264
Trích lập trong kỳ	28.445.940.250	24.489.000.000
Tăng khác	-	27.682.800
Sử dụng trong kỳ	(18.861.495.733)	(14.500.279.574)
Số dư cuối kỳ	41.788.595.411	46.881.316.490

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2025	370.439.080.000	74.434.806.545	485.205.005.541	309.645.981.112	1.239.724.873.198
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	224.609.979.439	224.609.979.439
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(19.086.753.000)	(19.086.753.000)
Trích quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	(3.470.747.000)	(3.470.747.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(931.500.000)	(931.500.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(166.697.586.000)	(166.697.586.000)
Tại ngày 30/06/2025	370.439.080.000	74.434.806.545	485.205.005.541	343.069.374.551	1.273.148.266.637
Tăng vốn trong 6 tháng cuối năm trước	185.219.120.000	-	(185.219.120.000)	-	-
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	211.884.452.270	211.884.452.270
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	174.515.905.000	(174.515.905.000)	-
Tại ngày 01/01/2026	555.658.200.000	74.434.806.545	474.501.790.541	380.437.921.821	1.485.032.718.907
Lãi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	250.583.867.768	250.583.867.768
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(27.293.940.250)	(27.293.940.250)
Trích quỹ thưởng HĐQT và Ban kiểm soát (*)	-	-	-	(1.152.000.000)	(1.152.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(222.263.280.000)	(222.263.280.000)
Tại ngày 30/06/2026	555.658.200.000	74.434.806.545	474.501.790.541	380.312.569.339	1.484.907.366.425

(*) Việc chia cổ tức và phân phối lợi nhuận trong kỳ này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 32/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	283.386.600.000	283.386.600.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	112.500.000.000	112.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	159.771.600.000	159.771.600.000
Cộng	555.658.200.000	555.658.200.000

5.17.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	55.565.820	55.565.820
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	55.565.820	55.565.820
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	55.565.820	55.565.820

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	250.583.867.768	224.609.979.439
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(16.353.960.471)	(14.644.492.237)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	234.229.907.297	209.965.487.202
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	55.565.820	55.565.820
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.215	3.779

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi kỳ này theo tỷ lệ 6,53% lợi nhuận sau thuế như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 32/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2026.

5.17.5. Cổ tức

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 32/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2026, tỷ lệ chia cổ tức năm 2025 là 40% trên vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.18. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Ngoại tệ các loại:		
USD	306.071,85	294.379,94
Số lượng cổ phiếu thưởng được chia cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	140.000	140.000

5.19. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	809.754.206.129	743.291.492.058
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 6.2	5.323.403.602	3.153.524.944
Cộng	815.077.609.731	746.445.017.002

5.20. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	488.265.100.224	457.374.667.486

5.21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Xem thêm Mục 6.2	934.064.000	934.064.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	27.661.309.924	15.991.883.254
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	51.045.303	60.501.740
Cộng	28.646.419.227	16.986.448.994

5.22. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hoa hồng, môi giới	6.089.662.130	4.313.800.049
Chi phí nhân viên	2.588.290.659	2.411.210.110
Chi phí bằng tiền khác	1.340.603.972	820.584.102
Cộng	10.018.556.761	7.545.594.261

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.311.899.676	13.483.868.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	803.802.697	258.221.659
Thuế, phí và lệ phí	589.787.412	8.009.693.175
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	280.540.249	12.079.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.453.611.713	2.017.458.519
Chi phí khác bằng tiền	7.343.871.232	7.596.444.505
Cộng	28.783.512.979	31.377.765.744

5.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.136.802.621	6.839.121.975
Chi phí nhân công	66.721.825.555	57.074.026.460
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.247.932.449	24.905.579.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	401.173.400.235	378.333.313.394
Chi phí khác bằng tiền	26.787.209.104	29.145.986.312
Cộng	527.067.169.964	496.298.027.491

5.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	313.168.105.487	280.611.274.561
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	687.147.109	254.846.868
Trừ: Thu nhập miễn thuế (cổ tức được chia)	(934.064.000)	(934.064.000)
Thu nhập tính thuế	312.921.188.596	279.932.057.429
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	62.584.237.719	55.986.411.486
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	14.883.636
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	62.584.237.719	56.001.295.122

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế TNDN.

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

5.26. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	132.060.142.418	49.851.006.677

5.27. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(127.289.748.150)	(25.791.167.761)

6. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Báo cáo bộ phận

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động của những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận thành một khoản mục riêng biệt trong thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
2. Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam
3. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành
4. Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai
5. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
6. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình
7. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi
9. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức
10. Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai
11. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi
12. Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc,
Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Mỗi quan hệ

- Công ty mẹ
Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	350.839.931	41.350.901
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	78.816.075	5.811.037
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	18.575.136
Cộng - Xem thêm Mục 5.3	429.656.006	65.737.074
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(10.060.961.692)	(12.238.620.787)
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	(5.657.846.690)	(5.311.219.105)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(181.050.030)	(206.711.400)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	(107.244.000)	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	(21.297.600)	(48.208.947)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	(5.009.070)	-
Cộng - Xem thêm Mục 5.9	(16.033.409.082)	(17.804.760.239)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	4.614.266.550	2.494.640.171
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	456.612.729	408.414.258
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	252.524.323	250.470.515
Cộng - Xem thêm Mục 5.19	5.323.403.602	3.153.524.944
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	30.520.734.276	34.930.785.683
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	16.623.180.577	21.423.645.088
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	1.061.307.200	1.195.394.600
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	374.251.261	344.468.900
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	182.500.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	121.375.000	518.593.284
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	34.181.100	81.225.600
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	8.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông miền Nam	-	111.083.335
Cộng	48.925.529.414	58.605.196.490
Thu nhập khác từ chia sẻ sự cố tràn dầu:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	42.000.000	35.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	934.064.000	934.064.000
Cổ tức đã chia:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	56.677.320.000	85.015.980.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	22.500.000.000	33.750.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	1.587.600.000	2.381.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	240.720.000	361.080.000
Ông Đỗ Minh Tuấn	37.260.000	55.890.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	22.680.000	34.020.000
Ông Nguyễn Văn Ban	7.200.000	9.000.000
Cộng	81.072.780.000	121.607.370.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố 2, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị	158.976.000	58.673.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	134.064.000	40.621.000
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên Hội đồng quản trị	134.064.000	40.621.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	123.856.000	-
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 21/04/2026)	32.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 21/04/2026)	102.064.000	40.621.000
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 24/04/2025)	10.208.000	40.621.000
Cộng		695.232.000	221.157.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	749.006.000	853.790.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	574.237.000	654.567.000
Ông Nguyễn Văn Ban	Phó Tổng Giám đốc	574.237.000	654.567.000
Ông Đỗ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	499.329.000	528.823.000
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Kế toán trưởng	477.185.000	340.377.000
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2024)	-	111.284.000
Cộng		2.873.994.000	3.143.408.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban	521.994.000	554.955.000
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên	134.064.000	27.081.000
Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	123.856.000	-
Ông Hồ Sỹ Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2025)	10.208.000	27.081.000
Cộng		790.122.000	609.117.000

6.3. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	5.672.763.490	7.399.234.614

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2026 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2026 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	10.736.348.889	10.482.059.738
Trên 1 năm đến 5 năm	51.794.667.365	45.085.072.321
Trên 5 năm	325.783.367.403	230.536.577.403
Cộng	388.314.383.657	286.103.709.462

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.4. Số liệu so sánh*****Phân loại lại***

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân loại lại số liệu so sánh của kỳ trước nhằm phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.

Ảnh hưởng của việc phân loại lại như sau:

Chi tiêu	Trước điều chỉnh VND	Phân loại lại VND	Sau điều chỉnh VND
Báo cáo tình hình tài chính:			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	778.900.000.000	9.432.868.729	788.332.868.729
Phải thu ngắn hạn khác	9.806.222.729	(9.432.868.729)	767.109.144
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	28.314.370	28.314.370
Phải trả ngắn hạn khác	4.499.457.403	(28.314.370)	4.471.143.033

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	(17.121.448.994)	60.501.740	(17.060.947.254)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	14.740.720.951	(60.501.740)	14.680.219.211

Việc phân loại lại này chỉ ảnh hưởng đến cách trình bày các khoản mục trên Báo cáo tài chính và không làm thay đổi tổng tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của kỳ trước và tổng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ của kỳ trước.

Điều chỉnh hồi tố

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước do Công ty điều chỉnh số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong báo cáo kỳ trước theo số liệu được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt như nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 32/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2026, chi tiết như sau:

Chi tiêu	Trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.763	16	3.779

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

6.5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, không có sự kiện trọng yếu cần điều chỉnh.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Cảnh Thìn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Quỳnh Trang

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Ngọc Tuấn

